

## BẢO HÀNH

XE **6** NĂM (KHÔNG GIỚI HẠN KM)  
PIN **8** NĂM

## HỆ THỐNG TRẠM SẠC & ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Hệ thống **100,000** cổng sạc trên toàn quốc  
Hệ thống gần **600** Đại lý phân phối uỷ quyền.

\*tính đến tháng 10/2025

HOTLINE:

**1900 23 23 89**

[vinfastauto.com.vn](http://vinfastauto.com.vn)



VINFAST



BẬT  
**CHẤT  
RIÊNG**  
LÁI KHÁC BIỆT

VERO X

## LÁI THÔNG MINH

Smart key một chạm thay thế khoá cơ truyền thống, dễ dàng bật, tắt và khoá cổ xe từ xa



Chức năng định vị theo âm thanh chuẩn xác giúp tìm xe nhanh chóng ở những bãi đỗ rộng và đông đúc.



Màn hình TFT sắc nét với độ phân giải và tương phản cao, hiển thị thông số sống động.



## LÁI ẤN TƯỢNG

Hệ thống Pin kép được nâng cấp linh hoạt, vượt trội trong mọi hành trình gồm 1 Pin dưới sàn xe & 1 Pin tháo rời đặt trong cốp.

Quãng đường di chuyển tới **262 km/lần sạc (\*)**

Tốc độ tối đa đến **70 km/h**



Giá niêm yết:

**34,900,000 VNĐ**

(Đã bao gồm VAT, 01 Pin và 01 bộ sạc)

# LÁI THƯ THÁI

Thể tích cốp 35L thoáng rộng, tối ưu sức chứa các vật dụng cần thiết cho mọi hành trình.



Hệ thống giảm xóc & giảm chấn thủy lực cho trải nghiệm lái êm ái trên các điều kiện địa hình

Sàn để chân rộng rãi giúp tư thế ngồi thoải mái hơn.



Phanh đĩa bánh trước & phanh tang trống phía sau, đảm bảo an toàn trong suốt chuyến đi



# LÁI ƯU VIỆT

Công nghệ Pin LFP tăng công suất động cơ, giúp xe vận hành mạnh mẽ, tiết kiệm, an toàn và ổn định.



## TIÊU CHUẨN IP67 CHỐNG NƯỚC

động cơ vượt trội ở mức nước ngập sâu 0,5 m trong 30 Phút.

## Thời gian sạc đầy tối ưu:

Khoảng 6h30 phút từ 0 - 100%.

(\*) Hướng dẫn bảo quản thông minh:

Duy trì dung lượng trên 20% trong quá trình sử dụng.

Cắm sạc khi dung lượng Pin thấp hơn 20%. Không nên sạc khi nhiệt độ Pin cao hơn 45°C, hệ thống sẽ không nhận sạc khi Pin nóng ở nhiệt độ 72°C.

# LÁI CHẤT RIÊNG

THIẾT KẾ  
**GÓC  
CẠNH,  
ĐỘC  
BẢN**

Dải màu thời thượng, bật chất riêng:



# THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                    |                                                                                     |                                                                                   |
|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| ĐỘNG CƠ                            | Màn hình                                                                            | TFT                                                                               |
|                                    | Công suất danh định                                                                 | 1500 W                                                                            |
|                                    | Công suất tối đa                                                                    | 2250 W                                                                            |
|                                    | Loại động cơ                                                                        | BLDC Inhub                                                                        |
|                                    | Loại Pin                                                                            | LFP                                                                               |
|                                    | Dung lượng Pin                                                                      | 2.4 kWh (có thể lắp thêm Pin phụ 2.4 kWh)                                         |
|                                    | Trọng lượng Pin                                                                     | 18 kg                                                                             |
|                                    | Loại sạc                                                                            | 400 W                                                                             |
|                                    | Thời gian sạc tiêu chuẩn                                                            | Khoảng 6h30 phút từ 0-100%                                                        |
|                                    | Đổi Pin                                                                             | Không                                                                             |
| HỆ THỐNG KHUNG/<br>GIÀM XÓC/ PHANH | Vị trí lắp Pin                                                                      | Dưới sàn để chân, Pin phụ đặt ở cốp                                               |
|                                    | Tiêu chuẩn chống nước động cơ                                                       | IP67                                                                              |
|                                    | Giảm xóc trước<br>Giảm xóc sau<br>Phanh trước và sau                                | Ống lồng-giảm chấn thủy lực;<br>giảm xóc đôi, giảm chấn thủy lực<br>Phanh đĩa/ Cơ |
| KÍCH THƯỚC<br>CƠ BẢN               | Khoảng cách trục bánh Trước-Sau                                                     | 1295 mm                                                                           |
|                                    | Thể tích cốp                                                                        | 35 L (16 L khi lắp Pin phụ)                                                       |
|                                    | Dài x Rộng x Cao                                                                    | 1858 x 690 x 1100 mm                                                              |
|                                    | Khoảng sáng gầm                                                                     | 133 mm                                                                            |
|                                    | Chiều cao yên                                                                       | 770 mm                                                                            |
|                                    | Kích thước lốp Trước - Sau                                                          | 90/90-12   90/90-12                                                               |
|                                    | Tải trọng                                                                           | 130 kg                                                                            |
| HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG                | Trọng lượng Xe và Pin                                                               | 92 kg (110 kg khi lắp Pin phụ)                                                    |
|                                    | Đèn pha trước<br>Đèn xi nhan, đèn hậu                                               | LED Projector<br>LED                                                              |
| HIỆU NĂNG                          | Tốc độ tối đa (Chở 1 người 65 kg)                                                   | 70 km/ h                                                                          |
|                                    | Quãng đường đi được 1 lần sạc<br>(Điều kiện tiêu chuẩn 30 km/h, 1 người nặng 65 kg) | Khoảng 134 km<br>(+ 128 km khi lắp thêm Pin phụ)                                  |
|                                    | Quãng đường đi được 1 lần sạc<br>(Điều kiện hỗn hợp)                                | Khoảng 86 km<br>(+ 83 km khi lắp thêm Pin phụ)                                    |
|                                    | Sạc nhanh/Đổi Pin                                                                   | Có                                                                                |
|                                    | Giới tốc tăng tốc 0-50 km/h (1 người 65 kg).                                        | 15s                                                                               |
|                                    | Khả năng leo dốc 20% (1 người 65 kg)                                                | 10 km/h                                                                           |
|                                    | Khóa xe                                                                             | Khóa thông minh                                                                   |
|                                    | Tính năng khác                                                                      | Không xác thực Pin                                                                |
| TÍNH NĂNG<br>THÔNG MINH            | Tìm xe trong bãi xe bằng Remote                                                     | Có                                                                                |
|                                    | Hiển thị thông tin xe                                                               | Tùy chọn                                                                          |
|                                    | Hiển thị trạng thái xe                                                              | Tùy chọn                                                                          |
|                                    | Điều khiển bật tắt chống trộm                                                       | Tùy chọn                                                                          |
|                                    | Tìm xe từ xa (qua App)                                                              | Tùy chọn                                                                          |
|                                    | Hiển thị thông tin Pin                                                              | Tùy chọn                                                                          |
|                                    | Định vị xe                                                                          | Tùy chọn                                                                          |
|                                    | Thông kê lịch sử hành trình                                                         | Tùy chọn                                                                          |
|                                    | Thông kê quãng đường                                                                | Tùy chọn                                                                          |
|                                    | Thiết lập vùng an toàn                                                              | Tùy chọn                                                                          |
|                                    | Sạc Pin với trạm sạc Vinfast                                                        | Có                                                                                |
|                                    | Chẩn đoán lỗi                                                                       | Tùy chọn                                                                          |
|                                    | Mở khóa bằng tay 1 chạm                                                             | Không                                                                             |
| CHÍNH SÁCH                         | Smartkey (Keyless, mở khóa, khóa cổ từ xa)                                          | Có                                                                                |
|                                    | Chính sách bảo hành                                                                 | Bảo hành xe 6 năm, Bảo hành Pin 8 năm                                             |

- Lưu ý:
- Hình ảnh xe mang tính minh họa. Phiên bản thực tế có thể có một số điểm khác biệt.
  - Quãng đường di chuyển theo điều kiện kiểm thử của VinFast tại 30 km/h. Quãng đường di chuyển thực tế có thể giảm so với kết quả kiểm định, phụ thuộc vào tốc độ lái xe, nhiệt độ, địa hình, thói quen sử dụng của người lái, chế độ lái được cài đặt, số lượng hành khách/ tải trọng và các điều kiện giao thông khác.